

MỘT SỐ ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH KINH TẾ CỦA NƯỚC ĐỨC TRONG BỐI CẢNH NỢ CÔNG CHÂU ÂU

TS. Đặng Minh Đức

Viện Nghiên cứu Châu Âu

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và nợ công khu vực châu Âu đã tác động mạnh tới nước Đức nói riêng và châu Âu nói chung. Để khắc phục những ảnh hưởng, nước Đức đã có những điều chỉnh về chính sách phát triển, trong đó trọng tâm là lĩnh vực tài chính, ngân hàng, tài chính công, các chính sách thương mại và đầu tư, hài hòa chính sách phát triển kinh tế với môi trường và phát triển bền vững, chính sách an sinh xã hội... Các điều chỉnh chính sách của Đức ngoài đối phó khủng hoảng còn đòi hỏi phải phù hợp với các chính sách phát triển của Liên minh Châu Âu, đặc biệt góp phần sự cho ổn định của nền kinh tế khu vực EU.

Bài viết này tập trung phân tích những điều chỉnh chính sách phát triển kinh tế của CHLB Đức - với tư cách thành viên thực hiện các mục tiêu chung của EU, và những điều chỉnh vấn đề đặc thù riêng của Đức trong bối cảnh nợ công khu vực châu Âu (năm 2008).

1. Một số tác động của cuộc khủng hoảng nợ công tới phát triển kinh tế của nước Đức

Nền kinh tế Đức là nền kinh tế lớn thứ 4 trên thế giới và là nền kinh tế lớn hàng đầu

châu Âu theo GDP¹. Đức có nền kinh tế thị trường được đặc trưng bởi lực lượng lao động chất lượng cao, cơ sở hạ tầng phát triển, khối lượng vốn lớn, mức độ tham nhũng thấp và quá trình đổi mới diễn ra mạnh mẽ. Vào những năm đầu thế kỷ 21, nền kinh tế Đức tăng trưởng tương đối ổn định, với động lực chủ yếu là hoạt động xuất khẩu. Tuy nhiên, khi khủng hoảng tài chính toàn cầu và nợ công khu vực châu Âu bắt đầu từ năm 2008, nền kinh tế Đức cũng không tránh khỏi bị ảnh hưởng nặng nề. Cụ thể:

Về tăng trưởng nền kinh tế

Theo số liệu của Văn phòng Thống kê Liên bang Đức được công bố vào ngày 13 tháng 1 năm 2010, GDP của Đức trong năm 2009 đã giảm 5% so với năm 2008², tốc độ tăng trưởng GDP năm 2009 đã rơi xuống mức âm. Tốc độ tăng GDP giảm xuống mức thấp kỷ lục 6,8% vào tháng 6 năm 2009 so với tốc độ tăng trưởng GDP của Đức từ năm 2003 đến trước khủng hoảng tài chính toàn

¹ "German Economy Experiences Record Growth in 2010". German Embassy Press Release 12 Jan. 2011

² German GDP suffer record 5% GDP drop in 2009. <http://www.businessday.co.za/articles/Content.aspx?id=91153>

cầu luôn duy trì trong khoảng 2%-4%³. Cuộc khủng hoảng tài chính đã có tác động sâu rộng đối với nền kinh tế và nhiều doanh nghiệp trong hầu hết các lĩnh vực: công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp. Các yếu tố tác động chủ yếu đối với tốc độ tăng trưởng kinh tế của Đức là sự suy giảm mạnh mẽ của các hoạt động xuất khẩu và đầu tư vào máy móc, thiết bị. Thương mại quốc tế, lĩnh vực vốn được coi là động lực tăng trưởng chủ yếu của nền kinh tế Đức, lại trở thành nhân tố làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế, đồng thời nền kinh tế chịu sự tác động của cuộc khủng hoảng nợ công năm 2009 ở châu Âu.

Cơ cấu kinh tế của Đức cũng có sự thay đổi do tác động của khủng hoảng tài chính toàn cầu. Trước khủng hoảng, theo số liệu năm 2008, khu vực dịch vụ chiếm 69% GDP và khu vực này sử dụng 67,5% lực lượng lao động ở Đức. Khu vực dịch vụ của nước này bao gồm: tài chính, dịch vụ thuê và các hoạt động kinh doanh (30,5%); thương mại, dịch vụ nhà hàng, khách sạn và giao thông vận tải (18%) và các hoạt động dịch vụ khác (21,7%)⁴. Tuy nhiên, do khủng hoảng tài chính toàn cầu tác động mạnh hơn tới khu vực sản xuất công nghiệp, năm 2009, tỷ trọng của khu vực dịch vụ trong cơ cấu kinh tế ở Đức đã tăng lên hơn 71%⁵. Mặc dù

không chịu tác động nặng nề như khu vực sản xuất công nghiệp, song các ngành dịch vụ ở Đức cũng chịu tác động rõ rệt của khủng hoảng tài chính toàn cầu. Năm 2008, khu vực dịch vụ lần đầu tiên bị suy giảm trong vòng 5 năm do nhu cầu tiêu dùng trong nước yếu. Chỉ số quản lý sức mua (PMI) dịch vụ ở Đức từ mức trên 50 vào giữa năm 2008 đã giảm xuống chỉ còn 41,3 vào tháng 1 năm 2009⁶.

Khu vực sản xuất công nghiệp là khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008. Trước khủng hoảng, khu vực sản xuất công nghiệp và xây dựng chiếm 29% GDP ở Đức năm 2008 và sử dụng 29,7% lực lượng lao động của quốc gia này⁷. Ngành sản xuất chế tạo chiếm gần 20% giá trị gia tăng của Đức – một trong những tỷ lệ cao nhất ở châu Âu. Song khi khủng hoảng tài chính lan tới các nền kinh tế châu Âu, khu vực sản xuất công nghiệp đã bị thu hẹp so với khu vực dịch vụ khi tỷ trọng của các khu vực công nghiệp chỉ còn chiếm 20% trong cơ cấu kinh tế của Đức, kéo theo sự suy giảm mạnh mẽ tỷ trọng đóng góp của các ngành sản xuất công nghiệp vào tổng giá trị gia tăng của nền kinh tế Đức⁸. Cuối năm 2008 và trong suốt năm

³ *Germany economic structure.*

http://www.economywatch.com/world_economy/germany/structure-of-economy.html

⁴ http://en.wikipedia.org/wiki/Economy_of_Germany

⁵ *Crisis year 2009 accelerating pace of structure change in Germany.*

⁶ *Germany's recession worsens again.*

<http://fistfulofeuros.net/afoe/germanys-recession-worsens-again/>

⁷ <https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/gm.html>

⁸ *Crisis year 2009 accelerating pace of structure change in Germany.*

2009, tình hình sản xuất công nghiệp ở Đức rơi vào tình trạng hết sức ảm đạm. Tốc độ tăng sản lượng công nghiệp trong năm 2009 luôn ở mức âm. Điều này dẫn đến hoạt động sản xuất bị đình trệ và nhiều doanh nghiệp lâm vào tình trạng khó khăn.

Trong hoạt động ngoại thương và đầu tư

GDP của Đức phụ thuộc chủ yếu vào xuất khẩu. Các doanh nghiệp Đức có sự cạnh tranh cao hơn so với các nước khác trong khu vực. Xuất khẩu của Đức chủ yếu là từ các nước láng giềng EU, đặc biệt là các nước trong Khu vực đồng Euro. Tuy nhiên, trước khi khủng hoảng diễn ra, nhu cầu đối với các mặt hàng xuất khẩu của Đức từ Mỹ và khu vực châu Á tăng mạnh, có thể giải thích là do sự phát triển mạnh mẽ của các ngành công nghiệp tại các khu vực này, cần các sản phẩm công nghệ cao của Đức⁹. Do phụ thuộc rất nhiều vào ngoại thương nên khi khủng hoảng kinh tế diễn ra đã ảnh hưởng đến các nước bạn hàng của Đức, GDP của Đức đã sụt giảm nghiêm trọng hơn so với các nền kinh tế khác của EU trong năm 2009 ở mức 4.7%. Cụ thể: khoảng 71% xuất khẩu hàng hóa của Đức tại thị trường nội khối EU, trong số tỷ trọng khoảng 59% có mặt tất cả 26 nước thành viên; Thị trường xuất khẩu quan trọng thứ hai của Đức là châu Á với 16%; Tiếp đó là thị trường Mỹ với tỷ trọng

khoảng 10%; Khu vực châu Phi và Australia chiếm tương ứng 2% và 1%. Hàng hóa xuất khẩu chủ yếu sang Pháp với tổng giá trị 101,5 tỷ Euro (9,6% hàng hóa xuất khẩu khu vực châu Âu), Mỹ với tổng giá trị 73,7 tỷ Euro (7%) và Hà Lan 69,3 tỷ Euro (6,5%). Nhập khẩu hàng hóa của Đức cũng chủ yếu từ EU, chiếm 69% tiếp theo là khu vực châu Á chiếm 19%, Mỹ chiếm 9%, khu vực châu Phi là 2%, còn Australia là 0,2%. Trong đó đứng đầu là Hà Lan với 82 tỷ Euro (9,1%), Trung Quốc 79,4 tỷ Euro (8,8%) và Pháp 66,2 tỷ Euro (7,3%)¹⁰.

Tăng trưởng xuất khẩu của Đức sau khủng hoảng kinh tế chậm do khu vực châu Á và Mỹ cũng không có dấu hiệu khả quan vì người tiêu dùng Mỹ còn khá dè dặt sau khủng hoảng, trong khi tăng trưởng ở Trung Quốc khá cao nhưng thị phần xuất khẩu của nước này đối với Đức còn chưa nhiều và Trung Quốc đang dần trở thành một trong những đối tác xuất khẩu quan trọng của Đức, thay vì Mỹ như trước đây. Tuy nhiên, những thiệt hại đến nền kinh tế gây ra cho Đức không lớn trong khi ảnh hưởng của khủng hoảng đến nhiều nền kinh tế phát triển khác như Mỹ, đến cấu trúc nền kinh tế là rất lâu dài. Cuộc khủng hoảng kinh tế thể hiện một số đặc trưng của nền kinh tế Đức.

Không chỉ chịu tác động về hoạt động ngoại thương, nước Đức cũng phải chịu

⁹ IMF country report, <http://www.imf.org/external/pubs/ft/scr/2010/cr1085.pdf>

¹⁰ Tổng cục Thống kê Đức năm 2012 – Bộ Kinh tế Đức.

những tác động về hoạt động đầu tư. Trước khi khủng hoảng diễn ra, lượng đầu tư của Đức so với GDP rất hạn chế, tính cả đầu tư trực tiếp nước ngoài đều thấp hơn so với các nước phát triển khác. Theo tính toán trung bình, trong khoảng thời gian từ năm 2000-2010, trong các nước phát triển, Đức là nước có hoạt động đầu tư đóng góp vào tổng thu nhập quốc dân gần thấp nhất, chỉ trên Anh. Ngay cả khi tính đến FDI thì đầu tư của Đức cũng thấp hơn nhiều so với mức trung bình của EU. Mức đầu tư thấp là một trong những nguyên nhân dẫn đến thặng dư tài khoản vãng lai, tính đổi mới thấp. Điều này cũng đáng để quan tâm hơn bởi với một nước phát triển và là đầu tàu kinh tế của EU như Đức, việc đầu tư ít sẽ không mang lại nhiều lợi ích cho các nước thành viên EU và không hỗ trợ được các nước kém phát triển hơn¹¹. Đức lại là một trong những nước có lượng đầu tư trực tiếp nước ngoài ra bên ngoài nhiều nhất trên thế giới. Trước năm diễn ra khủng hoảng (2008), Đức là một trong ba nước có lượng đầu tư FDI cao nhất. Lượng đầu tư trực tiếp nước ngoài của Đức có xu hướng tăng theo hướng tăng của xuất khẩu. Đầu tư FDI giúp cho Đức mở rộng sản phẩm của mình ra các thị trường mới và thúc đẩy xuất khẩu. Đặc biệt, lượng đầu tư FDI của Đức cũng tăng sau quá trình hội nhập sâu rộng hơn của EU và việc mở rộng của Đông Âu

vào những năm 1990. Tính đến năm 2008, đầu tư FDI của Đức đã tăng gấp 10 lần so với năm 1990, trong đó, từ năm 2006-2008, lượng FDI của Đức ra nước ngoài đạt mức kỷ lục. Khủng hoảng kinh tế diễn ra đã ảnh hưởng rất nhiều đến khả năng tài chính của các công ty xuyên quốc gia của Đức, dẫn đến sụt giảm đầu tư FDI, cùng với sụt giảm đầu tư trong nước. Tất nhiên, với các chính sách mở cửa và hội nhập sâu rộng thì các nước thành viên EU (57%), các nước phát triển (87%) là những nước nhận được FDI từ Đức nhiều nhất, theo sau là Mỹ. Các nước này cũng là những nước nhập khẩu nhiều sản phẩm của Đức nhất. Đây cũng là nơi có những đầu vào cần thiết, thường là có lực lượng lao động cao, để các công ty của Đức có thể sản xuất. Các ngành được Đức đầu tư ra nước ngoài nhiều nhất là dịch vụ (chủ yếu là ngành tài chính và bảo hiểm), chiếm 3/4 lượng đầu tư, theo sau là các ngành sản xuất (26%), ngành nguyên liệu cơ bản chiếm một phần rất nhỏ (chưa đến 1%, theo số liệu năm 2007)...¹²

Khi khủng hoảng kinh tế diễn ra năm 2009, lượng FDI sụt giảm mạnh - 58% so với năm 2008. Nguyên nhân chủ yếu của sự sụt giảm này là do các khoản vay nội bộ trong các công ty xuyên quốc gia đã phần lớn bị kẹt tại các thị trường chứng khoán ở nước ngoài. Đây là lý do của 3/4 sự sụt giảm

¹¹ *Germany National Reform Programme 2011*, http://ec.europa.eu/europe2020/pdf/nrp/nrp_germany_en.pdf

¹² German outward FDI and its policy context, http://www.vcc.columbia.edu/files/vale/documents/Germany_OFDI_Profile_9_April_2010_0.pdf

FDI của Đức trong năm 2009. Trong năm 2010, đầu tư FDI của Đức tăng 34% so với năm khủng hoảng 2009, là bước nhảy vọt đáng kể, gần bằng lượng đầu tư năm 2008. Đây cũng là mức tăng trưởng ấn tượng, cao hơn nhiều so với mặt bằng chung của thế giới, là 13%. Trong thời gian này, các nước thành viên EU vẫn là điểm đầu tư chính của Đức và đã có thay đổi về xu hướng đầu tư của các doanh nghiệp đa quốc gia của Đức. Các ngành sản xuất được Đức tập trung đầu tư hơn từ năm 2010. So với các nước khác trong khu vực, đầu tư FDI của Đức ổn định và ít bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế hơn khi tình hình đầu tư của 2 nền kinh tế lớn khác của EU là Anh và Pháp vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi trở lại trong năm 2010¹³. Khủng hoảng kinh tế diễn ra không ảnh hưởng nhiều đến đầu tư của các nước vào Đức. Trong thời kì khủng hoảng, Đức vẫn đứng thứ tư trên thế giới về số lượng FDI đầu tư vào, sau Mỹ, Anh và Pháp. Trong năm 2010, đầu tư FDI vào Đức tiếp tục tăng mạnh, chủ yếu là do các công ty mẹ ở nước ngoài cho các chi nhánh tại Đức vay dài hạn, đầu tư vốn chủ sở hữu, và tái đầu tư lợi nhuận. Tuy nhiên, do những áp lực tài chính của các công ty đa quốc gia, nên mặc dù nền kinh tế của Đức được cải thiện rất tốt, FDI cho nước này vẫn giảm nhiều. Các doanh nghiệp ở các nước phát triển vẫn là nhà đầu

tư lớn nhất cho Đức, đầu tư của các nước đang phát triển vào Đức chưa nhiều¹⁴.

Trong lĩnh vực ngân hàng

Ngân hàng Đức là một trong số những ngân hàng đầu tiên bị ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng tài chính tới châu Âu vào giữa năm 2007. Đặc biệt, các ngân hàng bị ảnh hưởng trực tiếp do các rủi ro từ các sản phẩm tín dụng cơ cấu bắt nguồn từ Mỹ, thường thông qua các phương tiện ngoài bảng cân đối kế toán. Rủi ro về chứng khoán trong hệ thống ngân hàng của Đức ước tính là 23 tỷ Euro (tương đương với 2,75% tổng tài sản năm 2008). Theo Bloomberg, tài sản của các ngân hàng Đức chiếm khoảng 7% bị giảm trên toàn cầu trong giai đoạn từ tháng 1 năm 2007 đến tháng 10 năm 2009. Mặc dù gần như tất cả các nhóm của các ngân hàng đều bị ảnh hưởng, ngân hàng thuộc sở hữu nhà nước (Landesbanken) trở nên nổi bật với 1/3 tổng số tổn thất mặc dù thị phần của ngân hàng này chỉ khoảng 20% khối lượng kinh doanh. Thực tế là các ngân hàng Đức ít phụ thuộc vào vay vốn tại các thị trường tài chính hơn ngân hàng ở các nước khác, nhưng một số tổ chức đã gián tiếp phải chịu tác động đáng kể của thị trường tiền tệ sau sự sụp đổ của Lehman Brothers khi họ không thể gia hạn nguồn vốn ngắn hạn từ doanh nghiệp. Nạn nhân nổi bật nhất chính là Hypo Real

¹³ *Outward FDI from Germany and its policy context: update 2011*,
http://www.vcc.columbia.edu/files/vale/documents/Germany_OFDI_-_8_September_2011_-_FINAL.pdf

¹⁴ *Inward FDI in Germany and its policy context Update 2011*,
<http://academiccommons.columbia.edu/catalog/ac:142670>

Estate. Tổ chức này đã được Chính phủ giải cứu vào cuối tháng 9 năm 2008. Ngược lại, sự yếu kém của nền kinh tế trong nước đã không ảnh hưởng nhiều đến hệ thống ngân hàng mặc dù của các khoản cho vay có khả năng bị rủi ro tăng mạnh.

Đến nay, doanh thu của hệ thống ngân hàng đã ổn định trên diện rộng, phản ánh các biện pháp chính sách quan trọng cũng như sự phục hồi kinh tế mà Đức đã đạt được. Các nhà chức trách Đức đã bơm một số lượng vốn đáng kể vào các ngân hàng và cung cấp mạng lưới an toàn bảo đảm tối cao (tức là bảo đảm của Chính phủ) cho việc tiếp cận thị trường tài chính. Những nỗ lực phối hợp toàn cầu đã giúp ổn định hệ thống tài chính quốc tế, và phù hợp với xu hướng toàn cầu, giá cổ phiếu của các ngân hàng Đức đã tăng trở lại và việc lây lan rủi ro tín dụng đã giảm.

2. Điều chỉnh chính sách kinh tế của nước Đức

Để khắc phục những tác động xấu tới nền kinh tế, nước Đức đã đưa nhiều chính sách nhằm ổn định nền kinh tế, khắc phục những yếu kém của hệ thống ngân hàng, tăng cường khả năng cạnh tranh của nền kinh tế như giảm thuế VAT, thuế doanh nghiệp, đồng thời tăng thuế bất động sản..., cụ thể:

Thứ nhất, sử dụng gói kích thích kinh tế nhằm ổn định kinh tế vĩ mô

Đức phản ứng với khủng hoảng kinh tế toàn cầu thông qua các chương trình kích

thích kinh tế và một số biện pháp đối phó, được thực hiện trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2008 đến tháng 11 năm 2009. Sau khi kế hoạch giải cứu ngành ngân hàng của Vương quốc Anh được công bố vào ngày 8 tháng 10 năm 2008, 15 quốc gia thuộc Khu vực Đồng tiền chung Châu Âu đã bất ngờ đạt được kế hoạch chung nhằm giải cứu ngành ngân hàng. Ngày 13 tháng 10 năm 2008, chính phủ Đức đã thông qua gói cứu trợ trị giá 480 tỷ Euro để cứu các ngân hàng của Đức thoát khỏi sự sụp đổ do tác động của khủng hoảng tài chính toàn cầu. Gói cứu trợ này gồm hơn 80 tỷ Euro dành cho các ngân hàng đang gặp khó khăn, gần 400 tỷ Euro để bảo lãnh cho vay liên ngân hàng¹⁵. Tiếp đó, vào tháng 11 năm 2008, chính phủ Đức đã thông qua gói kích thích kinh tế trị giá 23 tỷ Euro. Gói kích thích kinh tế thứ hai được đưa ra sau đó không lâu, vào đầu năm 2009 với trị giá 50 tỷ Euro trong hai năm. Hai gói kích thích này đã “bơm vào” nền kinh tế tổng cộng hơn 70 tỷ Euro, chiếm 1,6% GDP, lớn hơn so với mức trung bình của các quốc gia G.20¹⁶. Gói kích thích kinh tế thứ nhất và Luật Ổn định khu vực ngân hàng được coi là những trụ cột quan trọng trong các biện pháp đối phó với khủng hoảng

¹⁵ *Germany unveils 480-billion-euro bank rescue package.*
http://www.channelnewsasia.com/stories/afp_world_business/view/382550/1/.html

¹⁶ *Germany: The success of Global Keynesianism and State Intervention.*
<http://socialdemocracy21stcentury.blogspot.com/2010/09/germany-success-of-keynesianism-and.html>

của Đức, trong khi gói kích thích kinh tế thứ hai có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc ổn định việc làm và hệ thống an sinh xã hội ở Đức. Trên thực tế, sự phục hồi kinh tế năm 2009 một phần là do tác động của các chương trình kích thích kinh tế của Chính phủ.

Cuối tháng 10 năm 2010, chính phủ Đức đã phê chuẩn kế hoạch cắt giảm ngân sách trị giá 80 tỷ Euro từ năm 2011 đến năm 2014 nhằm làm gương cho các nước trong Khu vực Đồng tiền chung Châu Âu đang chìm sâu trong nợ nần. Gói cắt giảm ngân sách của chính phủ Đức được chia cho 4 năm, từ năm 2011 đến năm 2014 như sau: 11,2 tỷ Euro cho năm 2011; 18,6 tỷ Euro cho năm 2012; 23,6 tỷ Euro cho năm 2013 và 26,5 tỷ Euro cho năm 2014¹⁷. Mục tiêu của kế hoạch này là nhằm giảm mức thâm hụt ngân sách xuống còn 0,35% GDP danh nghĩa và giảm tỷ lệ nợ công của chính phủ/GDP¹⁸. Kế hoạch “thắt lưng buộc bụng” này của Đức bao gồm một chính sách thuế mới đối với du lịch bằng đường hàng không (đánh thuế môi trường đối với du lịch đường không). Các biện pháp cắt giảm chi tiêu bao gồm cắt giảm tỷ lệ thất nghiệp, giảm quỹ hỗ trợ cho các bậc phụ huynh. Trên cơ sở kế

hoạch cắt giảm ngân sách của Chính phủ, các công ty năng lượng của Đức sẽ phải bỏ chi phí hàng tỷ Euro để có thể mở rộng thời gian hoạt động của các nhà máy năng lượng hạt nhân¹⁹. Đồng thời, Thủ tướng Đức Angela Merkel cũng thúc giục các nước châu Âu nhanh chóng hành động nhằm cắt giảm ngân sách trong những năm tới.

Những biện pháp cải tổ này giải thích tại sao tỷ lệ thất nghiệp ở Đức không tăng nhiều trong suốt giai đoạn khủng hoảng kinh tế 2008-2009 và giảm xuống còn 6,0% vào năm 2011. Sau khủng hoảng, chính phủ Đức tiếp tục cải tổ chính sách lao động nhằm duy trì sự ổn định của nền kinh tế. Và chương trình “Kurzarbeit” (“short-work” hay “giảm giờ làm”) có thể coi là một phần quan trọng trong các biện pháp can thiệp của chính phủ Đức với mục tiêu đối phó khủng hoảng. Theo chương trình Kurzarbeit này, các công ty thỏa thuận sẽ không sa thải lao động, thay vào đó họ giảm giờ làm việc đối với hầu hết người lao động. Đây là một chương trình trợ cấp của Chính phủ đối với các ngành công nghiệp của Đức nhằm duy trì tỷ lệ việc làm thông qua rút ngắn thời gian làm việc. Năm 2009, chính phủ Đức đã chi 5,1 tỷ Euro cho chương trình này, bù đắp cho khoản thu nhập bị mất của hơn 1,4 triệu người lao động. Chương trình này được dẫn từ báo cáo của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế

¹⁷ Mục tiêu của gói ổn định tài chính thúc đẩy tăng trưởng GDP giai đoạn 2011 – 2014, dự kiến năm 2011 tăng trưởng thêm 0,5% và khoảng 0,25% GDP giai đoạn 2012 – 2014. Nguồn: European Commission, *Assessment of the 2011 national reform programme and stability programme for Germany*, Date 7.6.2011.

¹⁸ *Austerity in Europe*. <http://www.etuc.org/r/1611>

¹⁹ *Germany approves austerity measures*. <http://edition.presstv.ir/detail/140893.html>

(OECD) năm 2009. Báo cáo cũng chỉ ra rằng, chương trình này hỗ trợ được 500.000 việc làm trong suốt thời kỳ suy thoái kinh tế²⁰. Biện pháp này đã hỗ trợ đáng kể trong việc kích thích tổng cầu, ngăn chặn sự giảm mạnh của chi tiêu cho tiêu dùng và sản lượng công nghiệp. Biện pháp này cũng có tác động đáng kể trong việc ổn định tỷ lệ việc làm trong nền kinh tế.

Mặt khác, chính phủ Đức cũng có những nỗ lực nhằm bảo vệ khu vực sản xuất chế tạo của Đức trước tác động của khủng hoảng tài chính toàn cầu thông qua việc thành lập “Quỹ Hỗ trợ kinh tế Đức” (German Economic Fund). Quỹ này cho phép các công ty của Đức vay tiền trực tiếp của Chính phủ nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong trường hợp họ không thể vay từ các thị trường tư nhân. Tính đến tháng 7 năm 2010, thông qua Quỹ Hỗ trợ kinh tế Đức, Chính phủ đã cho các doanh nghiệp trong nước vay khoảng 13 tỷ Euro. Đây là một ví dụ về chính sách công nghiệp khẩn cấp của một quốc gia có nền kinh tế lớn hàng đầu trong Khu vực Đồng tiền chung Châu Âu²¹. Chương trình cắt giảm thuế, những đóng góp về mặt an sinh xã hội chiếm khoảng 66% tổng giá trị các gói kích thích kinh tế của Đức.

Thứ hai, những điều chỉnh chính sách đối với các doanh nghiệp Đức

Trước tình hình khó khăn của nhiều doanh nghiệp trong các lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ trong giai đoạn cuối năm 2008 và cho đến nay, chính phủ Đức đã đưa ra nhiều biện pháp nhằm hỗ trợ về tài chính cho các doanh nghiệp, tiến hành các biện pháp cải tổ thuế và lao động nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và thúc đẩy sự phục hồi tại các doanh nghiệp trong hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế. Như năm 2009, chính phủ Đức đã có một chương trình cải tổ thuế mạnh mẽ nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp Đức phục hồi sau khủng hoảng tài chính. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã giảm mạnh từ xấp xỉ 50% vào năm 1999 xuống còn 30% năm 2009. Trong lịch sử, Đức vốn có tỷ lệ thuế doanh nghiệp cao bậc nhất ở châu Âu. Mục tiêu giảm thuế thu nhập doanh nghiệp của Đức nhằm tạo lập một môi trường kinh doanh có tính cạnh tranh cao hơn so với các đối thủ ở châu Âu. Các nền kinh tế lớn ở châu Âu như Vương quốc Anh, Pháp, Italia và Tây Ban Nha cũng theo đuổi mô hình này và cắt giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, tuy nhiên mức cắt giảm của các nước này không lớn như ở Đức. Do đó, một nhân tố đóng góp quan trọng đối với sự hồi phục kinh tế ở Đức là chính sách cải tổ thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm nỗ lực tăng cường khả năng cạnh tranh và thúc đẩy hoạt động kinh doanh

²⁰ Kurzarbeit.

<http://en.wikipedia.org/wiki/Kurzarbeit>

²¹ *Germany: The Success of Global Keynesianism and State Intervention.*

<http://socialdemocracy21stcentury.blogspot.com/2010/09/germany-success-of-keynesianism-and.html>

của các doanh nghiệp Đức²². Các biện pháp giảm thuế đặc biệt đối với các doanh nghiệp, bao gồm thuế lũy giảm đối với đầu tư tài sản lưu động lên tới 25% trong khuôn khổ chương trình kích thích tài khóa tháng 11 của năm 2009. Tổng giá trị thuế được miễn giảm cho các công ty và các hộ gia đình là 9,4 tỷ Euro. Biện pháp này được cho là đã có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy đầu tư và chi tiêu của hộ gia đình, kích thích sự phục hồi của nền kinh tế....

Gần 50% số doanh nghiệp của Đức tiến hành các hoạt động đổi mới sau khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, 30% số doanh nghiệp vừa và nhỏ tăng cường các nỗ lực đổi mới, chỉ có 5% giảm bớt các cam kết đổi mới. Điều này cho thấy, khủng hoảng kinh tế rõ ràng đã thúc đẩy mạnh mẽ quá trình đổi mới của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các doanh nghiệp lớn, vốn là những doanh nghiệp chiếm phần lớn chi tiêu cho các hoạt động R&D và chịu tác động nặng nề của khủng hoảng tài chính toàn cầu, đã gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình đổi mới. 18% số doanh nghiệp quy mô lớn tạm hoãn các kế hoạch đổi mới do sự giảm sút doanh thu. Đồng thời, 17% số doanh nghiệp báo cáo về việc tăng cường các hoạt động đổi mới công

nhệ nhằm phục hồi tình hình sản xuất kinh doanh sau khủng hoảng²³.

Thứ ba, điều chỉnh chính sách nhằm thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ.

Đức là nước xuất khẩu lớn nhất thế giới trước khi khủng hoảng kinh tế diễn ra, do đó, mất cân đối ngoại thương của Đức chủ yếu là ở các nước EU. Các điều chỉnh chính sách của Đức sau khủng hoảng bám sát với mục tiêu châu Âu 2020. Ngoài ra, Đức vẫn có những chính sách để phù hợp với hoàn cảnh kinh tế của mình. Các điều chỉnh chính sách của Đức nhằm đảm bảo hoàn thiện một nền kinh tế thị trường mang tính xã hội, đó là hướng tới cạnh tranh lành mạnh và mở cửa thị trường. Chương trình cải cách quốc gia của Đức bao gồm năm mục tiêu chính, dựa trên mục tiêu châu Âu 2020, đó là:

(1) Tăng lao động tham gia vào thị trường việc làm. Đây là một vấn đề vô cùng quan trọng để ổn định kinh tế vĩ mô;

(2) Cải thiện các điều kiện để thúc đẩy công việc nghiên cứu và phát triển và đổi mới. Đổi mới luôn được coi là một lợi thế quan trọng của các nước công nghiệp. Tuy nhiên, khi so sánh với các nước công nghiệp khác thì sự đổi mới của Đức là không cao²⁴. Theo báo cáo của Viện Nghiên cứu Kinh tế Đức, trong khi các đối thủ của Đức có nhiều

²² *The Financial Crisis: A view of Germany's Recovery.*
<https://sites.google.com/site/ccgesstudytour/hamburg-2011/reports-and-reflection/the-financial-crisis-a-view-of-germany-s-recovery>

²³ *Innovation Activities of German Companies in the Economic Crisis.*

²⁴ *Germany National Reform Programme 2011,*
http://ec.europa.eu/europe2020/pdf/nrp/nrp_germany_en.pdf

cải cách để thúc đẩy nghiên cứu và phát triển thì Đức vẫn chưa có nhiều thay đổi²⁵. Hệ thống giáo dục có vấn đề của Đức là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự tụt hậu của Đức. Chiến lược của EU là tăng đầu tư cho nghiên cứu và phát triển lên 3% GDP, đặc biệt là thu hút đầu tư của khu vực tư nhân lên, chiếm 2/3 lượng đầu tư đến năm 2020. Để có thể cạnh tranh với các nước công nghiệp khác, và cũng để đảm bảo vẫn bám sát chiến lược chung của EU, chương trình cải cách quốc gia của Đức đã đặt ra mục tiêu cao hơn là 10% GDP sẽ dành cho giáo dục và nghiên cứu, một phần nhằm giải quyết những vấn đề vốn tồn tại lâu nay ở hệ thống giáo dục của nước này như đã nói ở trên, trong đó vẫn có 3% GDP dành cho nghiên cứu và phát triển. Giảm phát thải và tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo và sử dụng một cách hiệu quả lên 20%, vượt xa mục tiêu của EU là đến năm 2020, toàn EU sẽ giảm lượng phát thải xuống 20%;

(3) Nâng cao trình độ học vấn. Xây dựng một nền kinh tế tri thức là một trong những mục tiêu lâu dài của EU;

(4) Thúc đẩy hòa nhập xã hội, chủ yếu là thông qua việc giảm nghèo²⁶;

(5) Một trong những chính sách quan trọng khác của EU mà Đức, cùng với Pháp đưa ra là gói Euro Plus, nhằm tăng sức cạnh tranh của khu vực EU. Bốn mục tiêu chính của gói này là: Tăng cường sức cạnh tranh; Thúc đẩy việc làm; Cải thiện sự ổn định lâu dài của tài chính công; Tăng cường ổn định tài chính.

Cùng với điều chỉnh chính sách ngoại thương, nước Đức tiếp tục thực hiện điều chỉnh chính sách đầu tư nhằm chi phối các hoạt động đầu tư FDI của Đức là European Treaty, các điều ước quốc tế được xác nhận bởi EU và các điều ước đầu tư song phương với từng quốc gia cụ thể. Các hiệp ước này bao gồm những điều khoản quy định sự tự do trao đổi hàng hóa và dịch vụ và tự do di chuyển vốn giữa các nước EU với nhau và với nước thứ ba ký kết hiệp ước. Những hiệp ước này đảm bảo sự công bằng nên nếu có bất kỳ hành động phá vỡ các điều khoản trong hiệp ước sẽ bị đưa lên Tòa án Châu Âu. Mặt khác, Đức dành nhiều nỗ lực cho việc ký kết các hiệp định này nhằm cải thiện tình hình đầu tư, tăng cường hệ thống xuất khẩu của mình. Đến cuối năm 2010, Đức đã có tất cả 139 hiệp ước đầu tư song phương và Đức là một trong những nước tích cực nhất trên thế giới trong việc ký kết các hiệp ước đầu tư song phương này, trên cả Thụy

²⁵ *Deficits in Education endanger Germany's Innovative capacity*, http://www.diw.de/documents/publikationen/73/diw_01.c.91488.de/diw_wr_2008-14.pdf

²⁶ *Germany National Reform Programme 2011*, http://ec.europa.eu/europe2020/pdf/nrp/nrp_germany_en.pdf

Điển (118 hiệp ước) và Trung Quốc (127 hiệp ước)²⁷.

Thứ tư, giải quyết cuộc khủng hoảng nợ công châu Âu.

Sau gói cứu trợ đầu tiên với những phản ứng trái chiều từ phía công chúng Đức, ngày 27/2/2012, Quốc hội Đức tiếp tục thông qua gói cứu trợ tài chính mới của Khu vực Eurozone dành cho Hy Lạp với trị giá 130 tỷ Euro²⁸. Quyết định này của chính phủ Đức đã “bật đèn xanh” cho việc Eurozone thông qua gói cứu trợ thứ hai dành cho Hy Lạp vào ngày 14/3/2012, cho phép giải ngân khoản tài chính đầu tiên trị giá 39,4 tỷ Euro (tương đương 51,44 tỷ USD)²⁹. Gói cứu trợ này được sự nhất trí của hai quốc gia có nền kinh tế lớn nhất châu Âu là Đức và Pháp với mục tiêu ngăn chặn tình trạng vỡ nợ không thể kiểm soát được của Hy Lạp và làm an lòng các nhà đầu tư về tình hình tài chính bất ổn định của châu Âu hiện nay. Bên cạnh đó, Đức và Pháp là hai quốc gia đóng vai trò quan trọng hàng đầu trong việc thông qua gói cứu trợ 85 tỷ Euro (tương đương 113 tỷ USD) dành cho Ireland vào cuối tháng 11

năm 2010³⁰. Tiếp theo đó, chương trình cho vay khẩn cấp trị giá 78 tỷ Euro (tương đương 110,8 tỷ USD) vào giữa năm 2011 được thông qua nhằm hỗ trợ tài chính cho Bồ Đào Nha, là gói cứu trợ lớn thứ ba sau gói cứu trợ cho Hy Lạp và Ireland nhằm ngăn chặn sự lan rộng của khủng hoảng nợ công. Việc thông qua chương trình cho vay này có vai trò quyết định quan trọng của các chính phủ, vai trò của Đức trong việc khắc phục những tác động của cuộc khủng hoảng nợ công châu Âu. Đặc biệt, tháng 10/2012, các nước thành viên Khu vực Eurozone đã thông qua các ngân hàng của các nước thành viên chịu sự giám sát chung của Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB). Điều này sẽ góp phần giảm áp lực của cuộc khủng hoảng nợ công đối với các nước thành viên vì ECB có thể bơm tiền thẳng tới ngân hàng gặp khó khăn để giải cứu mà không làm tăng nợ công của quốc gia đó. Hiện việc vay tiền của ECB để giải cứu các ngân hàng thường phải do chính phủ các nước thực hiện.

Bên cạnh đó những tác động tích cực do sự điều chỉnh chính sách của chính phủ Đức, các chính sách của Đức cũng có tác động tiêu cực đối với các nền kinh tế châu Âu. Điển hình là chính sách thắt lưng buộc bụng của Đức và sức ép của chính phủ Đức buộc các chính phủ châu Âu cũng phải thực hiện

²⁷ *Outward FDI from Germany and its policy context: update* 2011,

http://www.vcc.columbia.edu/files/vale/documents/Germany_OFDI_-_8_September_2011_-_FINAL.pdf

²⁸ Quốc hội Đức thông qua gói cứu trợ thứ hai cho Hy Lạp.

<http://vtv.vn/Article/Get/Quoc-hoi-Duc-thong-qua-goi-cuu-tro-thu-2-cho-Hy-Lap-4052d1ecb1.html>

²⁹ *Greece gets second 130-billion-euro financial bailout.*

<http://news.oneindia.in/2012/03/15/greece-gets-second-130-billion-euro-financial-bailout.html>

³⁰ *EU leaders announce \$113 billion bailout package for Ireland.*

http://edition.cnn.com/2010/BUSINESS/11/28/ireland_bailout/index.html

các biện pháp chỉ tiêu khắc khổ này, điều này sẽ khó khăn cho các quốc gia phục hồi kinh tế do chịu sự tác động của khủng hoảng nợ công châu Âu, khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu.

Có thể nói, sự điều chỉnh chính sách của Đức đóng vai trò tích cực trong việc giúp nền kinh tế và doanh nghiệp Đức nhanh chóng phục hồi. Những điều chỉnh chính sách này cũng có ý nghĩa trong việc thúc đẩy sự phát triển của các quốc gia châu Âu trong các lĩnh vực thương mại, đầu tư, tài chính, giảm tỷ lệ thất nghiệp, đảm bảo và thực hiện các mục tiêu về an sinh xã hội... Những điều chỉnh chính sách của Đức đối với nền kinh tế và doanh nghiệp sẽ đóng vai trò động lực thúc đẩy sự phục hồi của các thị trường châu Âu và các nền kinh tế trong Khu vực Eurozone do quan hệ kinh tế chặt chẽ của Đức và các quốc gia châu Âu. Đồng thời, nền kinh tế Đức vẫn là nền kinh tế hàng đầu ở khu vực châu Âu cũng như Khu vực Eurozone. Đức cũng là nhân tố quan trọng trong vai trò hỗ trợ về tài chính, giúp các quốc gia châu Âu vượt qua tình trạng khó khăn về kinh tế và tài chính trong những năm tới đây.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Quang Thuấn, *Những vấn đề kinh tế - chính trị nổi bật giai đoạn 2001-2010, dự báo giai đoạn 2011-2020 và tác động tới Việt Nam*, Chương trình cấp Bộ,

Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội 2009-2010.

2. Đinh Công Tuấn, *Những vấn đề chính trị - kinh tế nổi bật giai đoạn 2011- 2020 và tác động tới Việt Nam*, Đề tài cấp Bộ, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội 2009-2010.

3. Nguyễn An Hà, *Châu Âu với khủng hoảng tài chính toàn cầu*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 5(104)/2009.

4. Nguyễn An Hà, *Khả năng phục hồi kinh tế của Liên minh Châu Âu*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 10(109)/2009.

5. Nguyễn An Hà, *Một số điều chỉnh chính sách sau khủng hoảng của Liên minh Châu Âu*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 8(119)/2010.

6. Bùi Việt Hưng, *Chiến lược phát triển kinh tế châu Âu tầm nhìn 2020*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu số 7(118)/2010.

7. Nguyễn Nhâm, *Khủng hoảng nợ công ở châu Âu – sự phản ứng của các nước lớn*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu số 10(121)/2010.

8. Nguyễn An Hà, *Khủng hoảng nợ công Eurozone*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu số 12(123)/2010.

9. Đinh Công Tuấn: *Khủng hoảng nợ công ở một số nước Châu Âu – thực trạng và vấn đề*. Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 8/2011.

10. OECD, *OECD Economic Surveys: Germany - 2010*, Report 2010.
11. European Commission, *Reinforcing economic policy coordination*, 12/5/2010, www.european.eu
12. European Council, *Conclusions of the Heads of State or Government of the Euro Area of 11 March 2011*, www.european.eu
13. European Council, *Conclusions of the European Council of 24/25 March 2011*, www.european.eu
14. Deutsche Bundesbank, *Economic conditions in Germany*, http://www.bundesbank.de/download/volkswirtschaft/mba/2010/201008mba_en_economic.pdf
15. Bộ Kinh tế và Phát triển Đức, *Germany's position on a "Europe 2020" strategy: "Sustainable growth and employment – the best for Europe's future"*, 14/12/2009.
16. Richard Conquest, *German Economic Policy and the Euro 1999-2010*, <http://www.brugesgroup.com/germaneconomicpolicyandtheeuro.pdf>
17. Bộ Kinh tế và Phát triển Đức, *Social and ecological Market economy Principles in German Development Policy*, 2006
18. Manfred Neumann, *Economic Governance in the Eurozone and the EU: Drawing lessons from the crisis - "The role of Germany redefined? Economic and political dimensions"*, bài hội thảo tại Athens, Greece, 10-13 June 2010
19. Analysis: *Germany's financial crisis*. http://www.terraily.com/reports/Analysis_Germanys_financial_crisis_999.html
20. *A short overview of the business tax reform in Germany*, http://www.janvonbroeckel.de/english/business_tax_reform.pdf
21. *Germany economic structure*, http://www.economywatch.com/world_economy/germany/structure-of-economy.html
22. *Germany's GDP Growth Slowed to 3.0% in 2011, contracted in Q4*. http://articles.businessinsider.com/2012-01-11/markets/30614311_1_germany-s-gdp-stock-markets-germany-s-dax
23. *Germany's response to the crisis*, http://www.rieti.go.jp/jp/events/09121601/pdf/1-3_E_Broich_PPT_o.pdf
24. *Innovation Activities of German Companies in the Economic Crisis*, www.dihk.de/.../innovation_in_der_krise_engl.pdf
25. Jeremy Leaman. *Managing the crisis, Germany Country Report*, http://s3.amazonaws.com/zanran_storage/www.bertelsmann-transformation-index.de/ContentPages/133054609.pdf